

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2021

V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Bà Huỳnh Thị Bé Tư.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-HN ngày 31 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HN ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Kiều N**, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp TP, xã THT, huyện T, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

2.*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp TP1, xã THT2, huyện T1, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kiều N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, chị và anh Nguyễn Thanh V được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới sống chung đến năm 2019 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã THT, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 32 ngày 11/6/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, đến khi có con chung vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau thường cự cãi nhau không khắc phục được. Vợ chồng tạo cơ hội hàn gắn khắc phục nhưng không hàn gắn được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh V.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung có 01 con chung Nguyễn Lê Vũ L, sinh ngày 19/12/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**\*Bị đơn Nguyễn Thanh V:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh V nhưng anh V vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều N tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Thanh V, địa chỉ: ấp TP1, xã THT1, huyện T1, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thanh V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều N và anh Nguyễn Thanh V sống chung năm 2015 đến năm 2019 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã THT1, huyện T1, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa chị N và anh V sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cự cãi nhau. Anh chị ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không còn liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh V không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N, chị N cương quyết ly hôn điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kiều N.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, anh chị có một con chung Nguyễn Lê Vũ L, sinh ngày 19/12/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng chị N, chị N yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu L đang sống ổn định cùng chị N, chị N có chỗ ở ổn định đủ điều kiện nuôi con chung nên cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung Nguyễn Lê Vũ L cho chị Lê Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Kiều N phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Kiều N và anh Nguyễn Thanh V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Vũ L, sinh ngày 19/12/2016 cho chị Lê Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh V được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thanh V chưa phải đóng góp nuôi con do chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

20959 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị N đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị N, anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã THT1, huyện T1;  
tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thuyền**